TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ S
TỈNH Đ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2022/DS-ST
Ngày: 20-5-2022
V/v tranh chấp dân sự
về hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ S, TỈNH Đ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Hoàng Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cao Thị Diệu Hiền.

2. Ông Lê Thiện Đào Duyên.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Đặng Kim Kiều - Thư ký TAND thành phố S.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S tham gia phiên tòa***:

Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố S, tỉnh Đ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2021/TLST-DS ngày 14/4/2021 về việc "Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXXST-DS ngày 12/4/2022 và Quyết định Hoãn phiên tòa số: 21/2022/QĐST-DS ngày 29/4/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T.

Trụ sở: Phường V, Quận X, TP. H.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Trần Tiến L- Chức vụ: CV Kinh doanh thẻ - Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T - Chi nhánh V.

Địa chỉ: Phường N, Tp. V, tỉnh L.

(Văn bản ủy quyền ngày 24/3/2022).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hải L, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Khu dân cư P, xã T, Tp. Sa Đéc, tỉnh Đ.

Tại phiên tòa:

- Anh Trần Tiến L là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có mặt.

- Bị đơn - anh Nguyễn Hải L vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T (Sacombank), quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, anh Trần Tiến L là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 14/7/2017, anh Nguyễn Hải L ký kết với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T (gọi tắt là Ngân Hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kiêm hợp đồng kèm theo Điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng Thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng - gọi chung là "Hợp đồng").

Theo đó, Ngân hàng đồng ý cấp Thẻ tín dụng hạn mức sử dụng là 30.000.000đ, số thẻ 512341-2627, thời hạn sử dụng là 3 năm, với mục đích tiêu dùng cá nhân cho anh Nguyễn Hải L.

Lãi suất cho vay thông qua phát hành Thẻ bao gồm lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn. Lãi suất trong hạn tại thời điểm cấp thẻ là 2,15%/tháng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn và các loại phí theo Hợp đồng.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, anh L đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 339.278.000đ. Trong quá trình sử dụng Thẻ, anh L đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 326.460.000đ.

Do anh L vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 30/6/2020, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng Thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn.

Nay, Ngân hàng yêu cầu anh L trả nợ gốc số tiền 34.674.417đ và nợ lãi tính từ ngày 30/6/2020 đến ngày 20/5/2022 số tiền 31.058.053đ; tổng cộng là 65.732.470đ và tiếp tục tính lãi từ ngày 21/5/2022 theo Hợp đồng đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ.

Ngoài ra, Ngân hàng không còn yêu cầu gì khác.

Từ khi thụ lý cho đến thời điểm xét xử vụ án, bị đơn - anh Nguyễn Hải L không nộp văn bản ghi ý kiến và cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án. Những lần Tòa án triệu tập, anh L đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ (Phiên họp) mà không tiến hành hòa giải và đã thông báo kết quả Phiên họp cho anh L biết.

* ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S phát biểu ý kiến***:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử (HĐXX) nghị án đều đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị, HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả nợ gốc số tiền 34.674.417đ và nợ lãi theo Hợp đồng đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ. Về án phí dân sự sơ thẩm, đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật (có bài phát biểu kèm theo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả nợ vay, xác định quan hệ pháp luật là "tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản"; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố S theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Tại phiên tòa, bị đơn - anh Nguyễn Hải L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T về việc yêu cầu anh Nguyễn Hải L trả nợ gốc số tiền 34.674.417đ và nợ lãi tính từ ngày 30/6/2020 đến ngày 20/5/2022 số tiền 31.058.053đ; tổng cộng là 65.732.470đ và tiếp tục tính lãi từ ngày 21/5/2022 theo Hợp đồng đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ, HĐXX nhận định như sau:

[2.1]. Về xác lập Hợp đồng và nợ gốc:

[2.1.1]. Căn cứ nội dung Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kiêm hợp đồng kèm theo Điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng Thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng (gọi tắt là Hợp đồng) thể hiện: Ngày 14/7/2017, Ngân hàng đồng ý cấp Thẻ tín dụng hạn mức sử dụng là 30.000.000đ, số thẻ 512341-2627, thời hạn sử dụng là 3 năm, với mục đích tiêu dùng cá nhân cho anh Nguyễn Hải L. Lãi suất cho vay thông qua phát hành Thẻ bao gồm lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn. Lãi suất trong hạn tại thời điểm cấp thẻ là 2,15%/tháng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn và các loại phí theo Hợp đồng.

[2.1.2]. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, anh L đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 339.278.000đ. Trong quá trình sử dụng Thẻ, anh L đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 326.460.000đ. Do anh L vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 30/6/2020, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng Thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ gốc số tiền 34.674.417đ sang nợ quá hạn theo Hợp đồng đã ký kết.

[2.1.3]. Về nghĩa vụ chứng minh: Tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định:

"*1. Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp,...*

2. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó..." . Theo đó, từ khi thụ lý cho đến thời điểm xét xử vụ án, anh Nguyễn Hải L không nộp văn bản ghi ý kiến và cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án. Đối chiếu quy định đã viện dẫn, Hội đồng xét xử công nhận chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp. Từ đó, đủ cơ sở xác định: Giữa Ngân hàng và anh Nguyễn Hải L có xác lập hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015; làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo nội dung Hợp đồng đã ký kết.

[2.1.4]. Tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: Nghĩa vụ trả nợ của bên vay:

"*1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn;...*".

Đồng thời, theo thỏa thuận tại khoản 4 Điều 26 của Hợp đồng thể hiện: Trong trường hợp Chủ thẻ (anh L) vi phạm thì Ngân hàng được quyền "*chấm dứt quyền sử dụng Thẻ và tiến hành việc thu hồi toàn bộ nợ*".

Như vậy, việc Ngân hàng yêu cầu anh L trả nợ gốc số tiền 34.674.417đ là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[2.2]. Về nợ lãi:

[2.2.1]. Theo thỏa thuận tại khoản 27 Điều 1 của Hợp đồng: "*Lãi suất cho vay thông qua phát hành Thẻ bao gồm lãi suất trong hạn được tính theo lãi suất do Sacombank công bố trong từng thời kỳ và lãi suất quá hạn tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn*". Ngoài ra, tại khoản 4 Điều 26 của Hợp đồng thể hiện: Trong trường hợp Chủ thẻ (anh L) vi phạm thì Ngân hàng được quyền "*...áp dụng lãi suất nợ quá hạn phù hợp với khoản 27 Điều 1 đối với toàn bộ dư nợ theo quy định của Sacombank...*".

[2.2.2]. Như vậy, các bên có thỏa thuận về lãi suất cho vay, nợ quá hạn. Căn cứ Điều 91 và khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng, HĐXX xét thấy: Sự thỏa thuận giữa các bên về lãi suất là hoàn toàn tự nguyện và không trái quy định của pháp luật nên việc Ngân hàng yêu cầu anh L trả nợ lãi tính từ ngày 30/6/2020 đến ngày 20/5/2022 số tiền 31.058.053đ và tiếp tục tính lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ là có căn cứ chấp nhận.

[2.3]. Quá trình giải quyết vụ án, những lần Tòa án triệu tập, anh L đều vắng mặt không có lý do. Qua xác minh, cơ quan Công an xã T xác nhận: Anh Nguyễn Hải L có đăng ký thường trú tại Khu dân cư P, xã T, thành phố S và hiện tại có mặt tại địa phương. Đồng thời, ông Nguyễn Bá L (là cha ruột của anh L) cũng xác định: Hiện tại, anh L đang sống chung với gia đình tại địa chỉ nêu trên; ban ngày đi làm và tối về nhà. Anh L biết việc Ngân hàng khởi kiện và đã nhận được Thông

báo về việc thụ lý vụ án mà Tòa án đã tống đạt. Tuy nhiên, anh L vẫn không đến Tòa án trình bày ý kiến hay yêu cầu của mình. Điều này đồng nghĩa, anh L đã từ bỏ quyền được Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Vì lẽ đó, HĐXX chỉ xem xét, giải quyết yêu cầu của nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

[2.4]. Từ những nhận định như trên, HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Nguyễn Hải L trả cho Ngân hàng nợ gốc số tiền 34.674.417đ và nợ lãi tính từ ngày 30/6/2020 đến ngày 20/5/2022 số tiền 31.058.053đ; tổng cộng là 65.732.470đ và tiếp tục tính lãi từ ngày 21/5/2022 theo Hợp đồng đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ.

[3]. Qua ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về nội dung vụ án, đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật, đúng tình tiết nội dung vụ án nên HĐXX chấp nhận.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; các Điều 92, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn lãi, lãi suất, phạt vi phạm trong hợp đồng vay tài sản;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T.

Buộc anh Nguyễn Hải L trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T nợ gốc số tiền 34.674.417đ và nợ lãi tính từ ngày 30/6/2020 đến ngày 20/5/2022 số tiền 31.058.053đ; tổng cộng là 65.732.470đ (Bằng chữ: Sáu mươi lăm triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn bốn trăm bảy mươi đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, anh Nguyễn Hải L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh

lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Sacombank thì lãi suất mà anh L phải tiếp tục thanh toán cho Sacombank theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Sacombank.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Nguyễn Hải L chịu 3.287.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.167.800đ theo biên lai số 0013647 ngày 14/4/2021 và 452.000đ theo biên lai số 0000779 ngày 29/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố S.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. S;
- TAND tỉnh Đ;
- Chi cục THA dân sự Tp. S;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Phạm Hoàng Anh